

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2021/HC-PT

Ngày: 01/11/2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 133/2021/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2021, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Xuân K, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Xuân O. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn P - Luật sư của Văn phòng Luật sư H. Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc L - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (vắng mặt)

+ Ông Trần Xuân B. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân U. Địa chỉ: Phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

+ Ông Trần Xuân L và anh Trần Xuân H. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Ông Quốc C, sinh năm 1975. Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L: Ông Đỗ Thành N, luật sư Văn phòng luật sư X, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Người kháng cáo: Ông Trần Xuân K, ông Trần Xuân B, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Xuân K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Nguyên thừa đất số 156, tờ bản đồ số 44 có diện tích 218,2m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là do cha mẹ ông K là Trần Xuân H, Phạm Thị X tạo lập. Sau khi cha mẹ ông qua đời, từ năm 1975 đến năm 1979, diện tích đất trên do ông Trần Xuân B canh tác, sử dụng. Đến năm 1979, ông B giao lại cho ông là người trực tiếp canh tác, sử dụng. Năm 1999, ông cùng anh trai là ông B góp tiền để xây dựng nhà từ đường trên thửa đất số 156, tờ bản đồ số 44. Hiện nay, trên thửa đất có một nhà cấp 4, xây bằng bờ lộ, mái hiên, có sân và tường rào bao quanh với tổng diện tích xây dựng khoảng 150m² dùng để làm từ đường dòng họ Trần.

Đến tháng 5/2019, ông phát hiện ngôi nhà và quyền sử dụng đất trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Xuân L (là anh em chú bác ruột với ông) cụ thể: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Xuân L tại thửa đất số 250 tờ bản đồ số 44 với diện tích 152,5m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Xuân H thửa đất số 251 tờ bản đồ số 44 với diện tích 554,9m². Hai Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất trên được tách ra từ thửa đất số 156, tờ bản đồ số 44 có diện tích 218,2m² mà ông và ông B đã xây dựng làm nhà từ đường họ Trần, làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của dòng họ.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 466506 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 09/8/2016 đứng tên Trần Xuân H với diện tích 554,9m²;

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 466508 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 09/8/2016 đứng tên Trần Xuân L với diện tích 152,5m².

Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế trình bày:

Diện tích quyền sử dụng đất tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 538190 ngày 10/8/2011 cho ông, bà Trần Xuân L - Đỗ Thị D tại thửa đất số 760, tờ bản đồ số 12, diện tích 1324m². Sau khi bà D mất, ông L đã làm thủ tục thừa kế và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất) thị xã H ký xác nhận đăng ký biến động vào ngày 24/9/2015 đối với toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất trên cho ông Trần Xuân L. Sau đó, ông L tiến hành làm thủ tục tách thửa đất trên thành hai thửa và đã được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 18/01/2016 số CC 357488 thửa đất số 155 tờ bản đồ số 44 với diện tích 1195,6m² và số CC 357489 thửa đất số 156 tờ bản đồ số 44 với diện tích 218,2m².

Ngày 25/03/2016, ông L đã tiến hành lập hồ sơ đề nghị nhập 02 thửa đất nói trên tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi tiến hành các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, vào ngày 19/4/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế đã ký cấp đổi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Xuân L hợp thành thửa đất số 248 tờ bản đồ 44 với diện tích 1413,8m². Sau khi được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L đã yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H tách thửa đất trên và đã được tách thành 03 thửa có ký hiệu thửa đất số 249, diện tích 706,4m²; thửa đất số 250, diện tích 152,5m² và thửa đất số 251, diện tích 554,9m². Vào ngày 24/6/2016, tại Văn phòng Công chứng Nam Thanh ông L đã lập hợp đồng tặng cho anh Trần Xuân H thửa đất số 251 và ngày 22/7/2016 ông L đã lập hợp đồng tặng cho anh Trần Xuân Hậu thửa đất số 249. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế cho Nhà nước, ngày 04/8/2016 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H đã chuyển toàn bộ các hồ sơ đề nghị tách

thành 03 thửa đất theo yêu cầu của ông L. Sau khi thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp ba Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466507 tại thửa đất số 249, tờ bản đồ 44, diện tích 706,4 m² cấp cho ông Trần Xuân Hậu;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 tại thửa đất số 250, tờ bản đồ 44, diện tích 152,5 m² cấp cho ông Trần Xuân L;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466506 tại thửa đất số 251, tờ bản đồ 44, diện tích 554,9 m² cấp cho ông Trần Xuân H.

Nay Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng thửa đất đang tranh chấp do ông L kê khai đăng ký từ năm 1986 và đã được UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 538190 ngày 10/8/2011 cho ông, bà Trần Xuân L, Đỗ Thị D tại thửa đất số 760, tờ bản đồ số 12, diện tích 1324m². Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ cấp đổi trên cơ sở Giấy chứng nhận trên, nên không chấp nhận đơn khởi kiện của ông K đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 cấp cho ông Trần Xuân L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC466506 cấp cho ông Trần Xuân H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị xã H trình bày:

UBND thị xã H cung cấp cho Tòa án hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 538190 ngày 10/8/2011 cho ông, bà Trần Xuân L - Đỗ Thị D tại thửa đất số 760, tờ bản đồ số 12, diện tích 1324m² thuộc Tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Và hồ sơ tách thửa đất trên thành hai thửa đất có ký hiệu thửa đất số 155, diện tích 1195,6m² và thửa đất số 156, diện tích 218,2m² đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L cả hai thửa đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân L, người đại diện theo ủy quyền của ông L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Nguồn gốc diện tích quyền sử dụng đất mà ông Trần Xuân K đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp cho ông và anh Trần Xuân H là do cha, mẹ ông khai hoang từ năm 1950. Thời gian đầu cha, mẹ ông dựng lên và trồng hoa màu về sau cải tạo và xây dựng 01 ngôi nhà vách, mái lợp tôn rồi nâng cấp lợp ngói. Hiện trạng vẫn giữ nguyên cho đến nay. Sau năm 1975, ông sử dụng và đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299 và Nghị định 64 về quản lý đất đai. Đến năm 2009, ông tiến hành làm thủ tục kê khai đăng ký và đã được UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 538190 ngày 10/8/2011 cho ông và bà Đỗ Thị D tại thửa đất số 760, tờ bản đồ số 12, diện tích 1324 m² thuộc tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 2015, ông tiến hành

làm thủ tục để tách thửa diện tích quyền sử dụng đất trên và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp đổi thành 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình bày.

Về yêu cầu của người khởi kiện: Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 44 có diện tích 218,2m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được UBND thị xã H cấp cho ông vào ngày 18/01/2016 do ông tách ra từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 538190 ngày 10/8/2011 mà UBND thị xã H cho ông, bà Trần Xuân L - Đỗ Thị D tại thửa đất số 760, tờ bản đồ số 12, diện tích 1324m².

Trên thửa đất này, năm 2002, các anh em trong họ tộc có xin ông đất để xây dựng nhà thờ với diện tích khoảng 50m², thì ông đồng ý. Hiện nay toàn bộ diện tích xây dựng nhà thờ họ Trần nằm hoàn toàn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CC 466508 tại thửa đất số 250, tờ bản đồ 44 với diện tích 152,5m² mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp đổi cho ông. Vì vậy, để giữ hòa khí trong dòng tộc, ông đồng ý hiến tặng toàn bộ diện tích đất trên thửa đất có ký hiệu số 250 cho nhà thờ họ Trần sử dụng. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số CC 466506 tại thửa đất số 251, tờ bản đồ 44, diện tích 554.9m² cấp cho ông Trần Xuân H thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân H:

Thống nhất như trình bày của ông Trần Xuân L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân B:

Thống nhất như trình bày của ông Trần Xuân K.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ vào Điều 100 và Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân K.

Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân L tại thửa đất số 250, tờ bản đồ 44, diện tích 152,5m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 03/12/2020, người khởi kiện – ông Trần Xuân K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Xuân B kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 466506 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân H tại thửa đất số 251, tờ bản đồ 44, diện tích 554,9m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 12/01/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế kháng cáo cho rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Quyết định hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân L tại thửa đất số 250, tờ bản đồ 44, diện tích 152,5m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là không đúng vì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 cho ông Trần Xuân L là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; những người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Xuân K và ông Trần Xuân B về đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 466506 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân H tại thửa đất số 251, tờ bản đồ 44, diện tích 554,9m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; bác kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Phiên tòa được triệu tập lần thứ 05, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế là người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, Ủy ban nhân dân thị xã H (người liên quan) có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét

xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện – ông Trần Xuân K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Xuân B yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 466506 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân H tại thửa đất số 251, tờ bản đồ 44, diện tích 554,9m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì thấy:

[2.1]. Thửa đất số 251, tờ bản đồ 44, diện tích 554,9m² được tách ra từ thửa đất 248, tờ bản đồ 44, diện tích 1.413,9m² (năm 2011 là thửa đất 760, tờ bản đồ 12, diện tích 1.324m²). Ông Trần Xuân K và ông Trần Xuân B cho rằng nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ các ông nhưng các ông không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc đăng ký kê khai, hoặc làm nghĩa vụ cho Nhà nước đối với thửa đất nói trên; trong khi đó, ông Trần Xuân L là người sử dụng và có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất vào ngày 26/02/1986 có xác nhận của Chủ tịch hội đồng đăng ký ruộng đất xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế và được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 538190 ngày 10/8/2011 cho ông Trần Xuân L và bà Đỗ Thị D tại thửa đất số 760, tờ bản đồ số 12, diện tích 1324m² thuộc tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi bà D chết, ông L đã làm thủ tục thừa kế và sau nhiều lần tách, nhập thửa; ngày 19/4/2016, ông L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp đổi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Xuân L hợp thành thửa đất số 248 tờ bản đồ 44 với diện tích 1413,8m². Thửa đất số 251, tờ bản đồ 44, diện tích 554,9m² được tách ra từ thửa đất 248, tờ bản đồ 44, diện tích 1.413,9m² theo hợp đồng tặng cho giữa ông L với ông Trần Xuân H tại Phòng công chứng Nam Thanh nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Xuân H là có căn cứ, đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013. Kháng cáo của người khởi kiện – ông Trần Xuân K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Xuân B yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 466506 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân H tại thửa đất số 251, tờ bản đồ 44, diện tích 554,9m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 27/11/2021 của

Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Quyết định. Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân L tại thửa đất số 250, tờ bản đồ 44, diện tích 152,5m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là không đúng vì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 cho ông Trần Xuân L là đúng quy định của pháp luật thì thấy:

[3.1]. Thửa đất số 250, tờ bản đồ 44, diện tích 152,5m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 cho ông Trần Xuân L là một phần diện tích được tách ra từ thửa đất số 248 tờ bản đồ 44, diện tích 1413,8m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L vào ngày 19/4/2016.

[3.2]. Bản án sơ thẩm nhận định: “...đối với thửa đất số 250, tờ bản đồ 44, diện tích 152,5m² cấp cho ông Trần Xuân L, trên thửa đất này đang tồn tại một căn nhà cấp 4 dùng để thờ họ Trần, theo ông L trình bày ngôi nhà này ông đồng ý giao cho dòng họ Trần xây dựng nhà để làm từ đường từ năm 2002 cho đến nay. Khi tách thửa đất theo yêu cầu của ông L, cán bộ địa chính không cập nhật thông tin tài sản có trên đất dẫn đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế không tiến hành thẩm định và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông L là không đúng quy định tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Quá trình đối thoại tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, ông L đồng ý giao toàn bộ thửa đất này cho dòng họ Trần sử dụng, thể hiện ý chí của Ông là đã chuyển giao và không có nhu cầu sử dụng diện tích đất trên mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho mình”. Nhận định được trích dẫn ở trên của Bản án sơ thẩm để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp cho ông Trần Xuân L là có căn cứ, đúng với thực tế sử dụng đất và cũng đúng với quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Xuân L cũng không kháng cáo Bản án sơ thẩm nên kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Từ những nhận định trên có căn cứ để khẳng định Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân K. Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân L tại thửa đất số 250, tờ bản đồ 44, diện tích 152,5m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H,

thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm những người kháng cáo gồm: Ông Trần Xuân K, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế và ông Trần Xuân B đề nghị sửa Bản án sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Trần Xuân K, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế và ông Trần Xuân B. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

[5]. Do bác kháng cáo nên ông Trần Xuân K, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế và ông Trần Xuân B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; nhưng ông Trần Xuân K và ông Trần Xuân B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm cho ông Trần Xuân K và ông Trần Xuân B theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của những người kháng cáo gồm: Ông Trần Xuân K, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế và ông Trần Xuân B. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 99, Điều 100 và Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân K.

Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 466508 ngày 09/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trần Xuân L tại thửa đất số 250, tờ bản đồ 44, diện tích 152,5m² tọa lạc tại tổ dân phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Án phí phúc thẩm.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Miễn án phí phúc thẩm cho ông Trần Xuân K và ông Trần Xuân B.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 005683 ngày 25/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến